

Số 1480 -QĐ/HVBCTT-ĐT

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2025 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Căn cứ Quyết định số 839-QĐ/HVCTQG ngày 06/3/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Quyết định số 1537/QĐ -TTg ngày 22/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ cho Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Quyết định số 4807/QĐ-HVBCTT ngày 15/10/2021 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Quyết định số 7841-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2025;

Căn cứ kết quả xét tuyển trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2025;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh,

GIÁM ĐỐC - CTHĐTS HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận trúng tuyển trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2025 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền (có Danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Trưởng các khoa, viện đào tạo trình độ tiến sĩ, các đơn vị có liên quan và thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Học viện CTQGHCM (b/c),
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c),
- Hội đồng trường,
- Ban Giám đốc Học viện ,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Phạm Minh Sơn

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

*

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIỀN SĨ
ĐỢT 2 NĂM 2025**

(Kèm theo QĐ số 480 ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc HVBC&TT)

STT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành/ CN trúng tuyển	Ghi chú
1	Trần Yến Chi	09.10.2003	Tuyên Quang	Triết học	
2	Nguyễn Thế Anh	27.09.2001	Hà Nội	Triết học	
3	Bùi Khánh Long	13.4.2003	Hải Phòng	Triết học	
4	Nguyễn Thị Ngọc	21.3.1990	Ninh Bình	Triết học	
5	Nguyễn Thị Thùy	01.6.1986	Hà Tĩnh	Triết học	
6	Phan Thanh Hoài	17.11.1986	Ninh Bình	Triết học	
7	Đoàn Thị Lệ Huyền	06.01.1981	Hà Tĩnh	Triết học	
8	Lê Nguyễn Hữu Thành	12.7.1996	Cần Thơ	Triết học	
9	Nguyễn Thị Xuân	15.10.1992	Bắc Ninh	Triết học	
10	Nguyễn Thị Minh Hòa	23.3.1998	Hà Nội	Triết học	
11	Lê Trung Thu	12.8.1983	Lào Cai	Triết học	
12	Nguyễn Thị Ngọc Anh	18.8.1982	Ninh Bình	Triết học	
13	Phạm Quang Chính	27.10.1996	Hà Nội	Triết học	
14	Đinh Thị Thúy Kiều	15.10.1987	Quảng Ngãi	Triết học	
15	Vũ Thùy Linh	07.7.1982	Hà Nội	Triết học	
16	Trần Tuấn Anh	01.1.1984	Hậu Giang	Triết học	
17	Phùng Thị Phương Thảo	20.6.1988	Hà Tĩnh	Triết học	
18	Ngô Hương Giang	06.11.1985	Nam Định	Triết học	
19	Lý Xuân Mai	18.03.2003	Hà Nội	Báo chí học	
20	Trương Thị Ly Băng	15.05.1984	Vĩnh Long	Báo chí học	
21	Nguyễn Phương Hoa	30.08.1983	Hải Phòng	Báo chí học	
22	Nguyễn Thị Huỳnh Giao	06.11.1985	Bến Tre	Báo chí học	
23	Nguyễn Ngọc Hà Linh	26.08.1997	Tuyên Quang	Báo chí học	
24	Bùi Thị Xuân Hương	21.07.1983	Hà Tĩnh	Báo chí học	
25	Vũ Đình Toàn	01.08.1993	Hải Phòng	Báo chí học	
26	Trần Thị Hương	15.04.1991	Ninh Bình	Báo chí học	
27	Trần Thị Toàn	21.11.1983	Hải Phòng	Báo chí học	
28	Nguyễn Thị Bảo Châu	21.10.1996	Hà Nội	Báo chí học	
29	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	18.11.1979	An Giang	Báo chí học	
30	Nguyễn Thị Diệu Trang	24.12.1978	Hải Phòng	Báo chí học	
31	Phan Thùy Linh	20.10.2001	Hà Nội	Báo chí học	
32	Vũ Thế Cường	05.09.1980	Thái Nguyên	Báo chí học	
33	Nguyễn Việt Hoàng	20.4.1984	Thái Bình	Xuất bản	

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành/ CN trúng tuyển	Ghi chú
34	Phạm Quốc	Cường	11.01.1981	Hà Nội	Xuất bản	
35	Bùi Hồng	Cường	21.11.1986	Hải Phòng	Xây dựng Đảng và CQNN	
36	Lâm Tiến	Thạch	05.01.1983	An Giang	Xây dựng Đảng và CQNN	
37	Nguyễn Hồng	Anh	23.6.1980	Quảng Trị	Xây dựng Đảng và CQNN	
38	Phạm Thị Thu	Hồng	12.7.1999	Nam Định	Xây dựng Đảng và CQNN	
39	Đỗ Mạnh	Hiếu	23.12.1982	Hải Phòng	Xây dựng Đảng và CQNN	
40	Trịnh Thị Hằng	Nga	06.9.1976	Cần Thơ	Xây dựng Đảng và CQNN	
41	Lê Thùy	Dương	01.8.1986	Hà Nội	Xây dựng Đảng và CQNN	
42	Lê Thị Thùy	Dung	19.9.1988	Hà Tĩnh	Xây dựng Đảng và CQNN	
43	Hán Mạnh	Hùng	09.12.1982	Yên Bái	Xây dựng Đảng và CQNN	
44	Trần Thị Thu	Hà	20.10.1983	Nghệ An	Xây dựng Đảng và CQNN	
45	Nguyễn Thị	Mai	28.5.1990	Lào Cai	Xây dựng Đảng và CQNN	
46	Cao Thị	Huệ	06.10.1986	Lạng Sơn	Xây dựng Đảng và CQNN	
47	Quách Thị	Cúc	11.3.1982	Ninh Bình	Xây dựng Đảng và CQNN	
48	Phạm Thị Ngọc	Ánh	12.01.1987	Lào Cai	Xây dựng Đảng và CQNN	
49	Từ Thị	Thoa	05.9.1990	Lào Cai	Xây dựng Đảng và CQNN	
50	Bùi Trung	Tiến	04.8.1977	Hải Phòng	Xây dựng Đảng và CQNN	
51	Nguyễn Văn	Quyển	16.7.1968	Hà Nội	Chính trị học, chuyển ngành Chính trị phát triển	
52	Đặng Trần	Hung	05.4.1988	Hà Nội	Chính trị học, chuyển ngành Chính trị phát triển	
53	Vũ Đức	Minh	25.01.1994	Hà Nội	Chính trị học, chuyển ngành Chính trị phát triển	
54	Huỳnh Trí	Thanh	19.6.1984	Lâm Đồng	Chính trị học, chuyển ngành Chính trị phát triển	
55	Nguyễn Ngọc	Thạch	11.7.1977	Nghệ An	Chính trị học, chuyển ngành Chính trị phát triển	
56	Đặng Anh	Phương	30.9.1979	Hà Nội	Chính trị học, chuyển ngành Chính trị phát triển	
57	Nguyễn Mạnh	Hung	08.3.1975	Hưng Yên	Chính trị học, chuyển ngành Chính trị phát triển	
58	Phạm Nguyễn	Toan	24.2.1981	Hưng Yên	Chính trị học, chuyển ngành Chính trị phát triển	
59	Lê Thị	Hào	19.07.2002	Hưng Yên	Chính trị học, chuyển ngành Chính trị phát triển	
60	Nguyễn Thị	Hương	29.5.1975	Nghệ An	Chính trị học, chuyển ngành Chính trị phát triển	
61	Nguyễn Thị	Yến	19.6.1992	Hưng Yên	Chính trị học, chuyển ngành Chính trị phát triển	
62	Trần Mai	Hương	22.01.1981	Hà Nội	Chính trị học, chuyển ngành Chính trị phát triển	
63	Phạm Khánh	Hòa	27.10.1987	Hà Tĩnh	Chính trị học, chuyển ngành Công tác tư tưởng	
64	Hà Đức	Hùng	10.08.2001	Sơn La	Chính trị học, chuyển ngành Công tác tư tưởng	
65	Nguyễn Thị	Nhang	24.8.1992	Hải Phòng	Chính trị học, chuyển ngành Công tác tư tưởng	
66	Trần Quang	Hải	10.9.1987	TP.HCM	Chính trị học, chuyển ngành Công tác tư tưởng	
67	Phan Ngọc	Phúc	27.06.1993	Khánh Hoà	Chính trị học, chuyển ngành Công tác tư tưởng	
68	Lại Bá	Hà	17.08.1973	Thanh Hóa	Chính trị học, chuyển ngành Công tác tư tưởng	
69	Bùi Thành	Đạt	20.01.1990	Nghệ An	Chính trị học, chuyển ngành Công tác tư tưởng	
70	Hoàng Thị	Lê	12.09.1992	Lào Cai	Chính trị học, chuyển ngành Công tác tư tưởng	
71	Vũ Thị Hoàng	Cầm	29.05.1985	Ninh Bình	Chính trị học, chuyển ngành Công tác tư tưởng	
72	Phạm Thị Vân	Anh	13.01.1980	Hải Phòng	Chính trị học, chuyển ngành Công tác tư tưởng	

STT	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành/ CN trung tuyển	Ghi chú
73	Trần Ngọc	Hải	19.12.1981	Điện Biên	Chính trị học, chuyên ngành Công tác tư tưởng	
74	Đỗ Thị Bích	Loan	19.10.1993	Hà Nội	Quan hệ công chúng	
75	Vũ Thị Tuyết	Nhung	21.08.1984	Hải Dương	Quan hệ công chúng	
76	Đào Thị Thuý	Ngọc	05.09.1990	Thái Nguyên	Quan hệ công chúng	
77	Phan Thị Thanh	Huệ	01.4.1987	Hà Tĩnh	Quan hệ công chúng	
78	Nguyễn Văn	Thấu	02.04.1988	Tiền Giang	Quan hệ công chúng	
79	Nguyễn Thị Vân	Anh	02.06.1995	Thái Bình	Quan hệ công chúng	
80	Nguyễn Minh	Phương	26.9.1997	Yên Bái	Quan hệ công chúng	
81	Lưu Thị Kim	Tuyến	07.06.1989	Tiền Giang	Quan hệ công chúng	
82	Vũ Quốc	Anh	04.9.1972	Đồng Nai	Quan hệ công chúng	
83	Trần Bảo	Dương	28.07.1997	Hà Nội	Quan hệ công chúng	
84	Trần Đăng	Khôi	26.04.1978	TP. HCM	Quan hệ công chúng	
85	Lê Văn Trúc	Ly	01.01.1990	Đà Nẵng	Quan hệ công chúng	
86	Lê Trần Bảo	Phương	23.01.1984	TPHCM	Quan hệ công chúng	
87	Thái Ngọc	Thảo	17.08.1990	Cần Thơ	Quan hệ công chúng	
88	Nguyễn Thị Thùy	Vân	18.04.1985	Thanh Hóa	Quan hệ công chúng	
89	Trần Thị Lệ	Thùy	11.9.1975	Yên Bái	Quan hệ công chúng	
90	Hoàng Thị Khánh	Phương	23.03.1975	Nghệ An	Quan hệ công chúng	
91	Bùi Văn	Tiến	16.08.1990	Hà Nội	Quan hệ công chúng	
92	Đặng Lê	Văn	15.03.1996	Hà Tĩnh	Quan hệ công chúng	
93	Bùi Anh	Tuấn	30.10.1993	Hà Nội	Quan hệ công chúng	
94	Ấu Thanh	Thảo	11.08.2001	Hà Nội	Quan hệ công chúng	
95	Lê Thị Minh	Huyền	20.11.1984	Hà Nội	Quan hệ công chúng	
96	Đoàn Thị Quỳnh	Nga	20.09.1996	Ninh Bình	Quan hệ công chúng	
97	Phan Khánh	Linh	17.09.2002	Hưng Yên	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
98	Nguyễn Trần Kiều	Trình	22.10.2003	Quảng Ngãi	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
99	Hoàng Công	Doanh	11.10.1985	Lạng Sơn	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
100	Nguyễn Thị	Thảo	30.6.1981	Thái Nguyên	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
101	Đổng Thị Thùy	Trang	11.09.1987	Lào Cai	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
102	Đinh Ngọc	Thuý	22.5.1989	Ninh Bình	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
103	Trương Thị Thu	Thảo	30.07.1986	Quảng Trị	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
104	Hà Minh	Hoàn	01.12.1983	Lào Cai	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	

Tổng số: 104 thí sinh ./.